

# CHƯƠNG 5: LỰA CHỌN CÔNG CỘNG

- 5.1. Cơ chế công cộng của việc phân bổ nguồn lực
- 5.2. Phi hiệu quả của nguyên tắc đa số
- 5.3. Phi hiệu quả của hệ thống hành chính
- 5.4. Tìm kiếm đặc lợi (rent-seeking)
- 5.5. Nhóm lợi ích

# Chương 5: Lựa chọn Công cộng

5.1. Cơ chế công cộng của việc phân bổ nguồn lực (194-198, Stiglitz, 95);

5.1.1. Khác biệt giữa cơ chế tư nhân và công cộng trong việc phân bổ

5.1.2. Khó khăn của việc xác định và tổng hợp ý thích

5.1.3. Tính phi hiệu quả của dân chủ (16-64, LCCông HCQG, 2006)

5.2. Phi hiệu quả của nguyên tắc đa số (198-212, Stiglitz, 95);

5.2.1. Thuế và độ hữu dụng cận biên

5.2.2. Cử tri trung vị (median voter)

5.2.3. Nghịch lý biểu quyết

5.3.4. Định lý về sự không thể của Arrow

# Chương 5: Lựa chọn Công cộng

5.3. Phi hiệu quả của hệ thống hành chính (476-525, LCCông HCQG, 2006)

5.3.1. Hệ thống hành chính và quy trình ngân sách

5.3.2. Phi hiệu quả trong và bởi cơ quan hành chính

5.4. Tìm kiếm đặc lợi (rent-seeking) (553-595, LCCông HCQG, 2006)

5.4.1. Nhận diện và điều kiện của đặc lợi

5.4.2. Phi hiệu quả do đặc lợi

5.5. Nhóm lợi ích (Bùi Đại Dũng, 2007)

5.5.1. Nhóm lợi ích trong xã hội dân chủ

5.5.2. Nhóm lợi ích và hiệu quả phân bổ nguồn lực

# 5.1. Cơ chế công cộng của việc phân bổ nguồn lực

## 5.1.1. Khác biệt giữa cơ chế tư nhân và công cộng trong việc phân bổ

- Lựa chọn công cộng: là một quá trình mà trong đó ý muốn của các cá nhân được kết hợp lại trong một quyết định tập thể
- Cơ chế ra quyết định ở khu vực tư nhân
- Cơ chế ra quyết định trong khu vực công
  - + Mô hình dân chủ trực tiếp
  - + Mô hình dân chủ đại diện và cơ chế ra quyết định công cộng
  - + Những vấn đề của việc ra quyết định công

# 5.1. Cơ chế công cộng của việc phân bổ nguồn lực

5.1.1. Khác biệt giữa cơ chế tư nhân và công cộng trong việc phân bổ

- Cơ chế ra quyết định ở khu vực tư nhân

Giới hạn xem xét: việc ra quyết định về việc cung cấp hàng hóa và phân bổ nguồn lực

Ở KVTN: việc ra quyết định về cung cấp hàng hóa tư nhân (Hàng hóa nào được cung cấp? Khối lượng bao nhiêu? Cung cấp như thế nào) được thực hiện thông qua *thị trường* và được dẫn dắt bởi hệ thống giá cả.

- + Vai trò của giá cả: truyền thông tin, điều chỉnh hành vi của người sản xuất và tiêu dùng; kết nối sản xuất và tiêu dùng.
- + Tính chất của việc ra quyết định: tính cá nhân; giao dịch tự nguyện; thỏa mãn sở thích cá nhân, không bỏ qua sở thích thiểu số.

# 5.1. Cơ chế công cộng của việc phân bổ nguồn lực

## 5.1.1. Khác biệt giữa cơ chế tư nhân và công cộng trong việc phân bổ

- Cơ chế ra quyết định trong khu vực công

Đối tượng ra quyết định: về cung cấp HHCC và phân bổ nguồn lực tương ứng; các chính sách công

Mô hình dân chủ trực tiếp: Khó thực hiện khi quy mô cộng đồng lớn, chi phí thương lượng, dàn xếp, giám sát cao.

Mô hình dân chủ đại diện:

- + Chủ thể đích thực của việc ra quyết định: người dân
- + Người trực tiếp tham gia ra quyết định: người đại diện của dân (các nhà chính trị)
- + Cơ chế ra quyết định: quyết định tập thể thông qua *cơ chế biểu quyết* hay *bỏ phiếu đa số*.
- + Triển khai thực thi quyết định: công chức và bộ máy hành chính

# 5.1. Cơ chế công cộng của việc phân bổ nguồn lực

## 5.1.2. Khó khăn của việc xác định và tổng hợp ý thích

- Bầu cử:

- + là một phương thức biểu quyết đa số để lựa chọn các chính khách

- + Kết quả bầu cử phụ thuộc vào: cơ chế cạnh tranh và quyền lực của cử tri; tỷ lệ tham gia của cử tri; khả năng có thông tin của cử tri; hoạt động của các nhóm lợi ích...

- Quyết định của chính khách:

- + khám phá sở thích của cử tri mà mình đại diện

- + Tổng hợp các sở thích của các cử tri

- + Động cơ của chính khách và tác động của nhóm lợi ích

## 5.2. Phi hiệu quả của nguyên tắc đa số

- Cơ sở của nguyên tắc đa số: khó thực hiện nguyên tắc nhất trí hoàn toàn (một quyết định chỉ được thông qua khi và chỉ khi có sự thống nhất (đồng ý) của tất cả các thành viên (100%) trong một cộng đồng nào đó)
- Định lý cử tri trung gian: cho thấy quyết định được lựa chọn có thể tùy thuộc vào sở thích của một người (cử tri trung gian), do đó, có thể không hiệu quả
- Nghịch lý xoay vòng trong biểu quyết  
=> Có thể dẫn đến những lựa chọn thiếu nhất quán

## 5.2. Phi hiệu quả của nguyên tắc đa số

### 5.2.2. Cử tri trung vị (median voter)

- Vấn đề biểu quyết:
  - + lựa chọn một trong các phương án thay thế nhau
  - + các phương án này có thể sắp xếp theo một trật tự tuyến tính (trật tự trước sau theo một chiều từ trái sang phải)
- Cử tri trung vị: người có sở thích trung dung, đứng giữa trong tập hợp toàn bộ cử tri.

Khi sắp xếp các cử tri phù hợp với các phương án mà họ ưa thích nhất, sẽ có nửa cử tri trong số các cử tri còn lại nằm bên trái cử tri trung gian, nửa còn lại nằm bên phải cử tri trung gian.

# ĐỊNH LÝ CỬ TRI TRUNG VI

- Định lý: Khi các phương án được đưa ra để lựa chọn có thể sắp theo một trật tự tuyến tính, sở thích của các cử tri đều là sở thích đỉnh đơn, việc biểu quyết theo nguyên tắc đa số luôn mang lại một kết quả ổn định. Phương án được lựa chọn chính là p/a mà người cử tri trung gian ưa thích nhất.
- Ví dụ: có  $(2n + 1)$  cử tri, mỗi người có một phương án ưa thích nhất. Các p/a được sắp xếp theo một trật tự từ trái sang phải (p/a  $m$  nằm bên trái p/a  $n$  nếu  $m < n$ ). Giả sử cử tri  $k$  là người có p/a ưa thích nhất là p/a  $k$ .
- [Median Voter Theorem Animation.mp4](#)

# ĐỊNH LÝ CỬ TRI TRUNG VỊ

⇒ Cử tri trung vị là cử tri thứ  $n + 1$ .

⇒ So với bất kỳ p/a  $k$  nào khác, p/a  $(n + 1)$  luôn là p/a chiến thắng trong biểu quyết đa số. Lý do:  $(n + 1)$  luôn được ít nhất  $(n + 1)$  phiếu ủng hộ (trong tổng số  $2n + 1$  phiếu)

(Sinh viên tự chứng minh)

- Kết quả:

- + Có 1 p/a duy nhất chiến thắng.

- + P/a đó chính là p/a mà cử tri trung gian ưa thích nhất.

- + P/a  $(n + 1)$  mà cử tri trung gian ưa thích nhất phản ánh sự lựa chọn tối ưu của người này. Nó cho phép tối đa hóa lợi ích ròng của anh (chị) ta. Song đó không chắc chắn là p/a hiệu quả đối với xã hội

# ĐỊNH LÝ CỬ TRI TRUNG VỊ

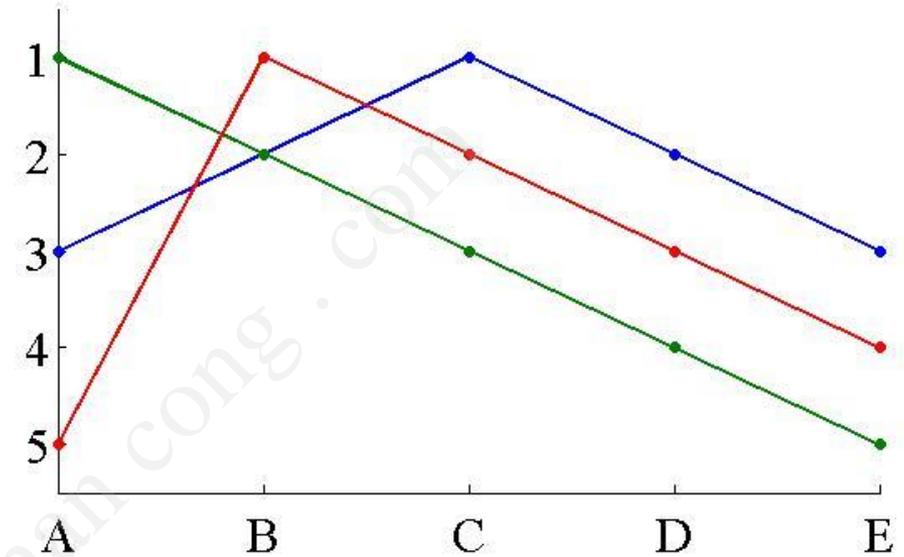
- Điều kiện để định lý cử tri trung vị có hiệu lực:
  - + Các phương án chỉ được xét trên một đặc tính duy nhất (không gian một chiều)  $\Rightarrow$  sắp xếp được theo một trật tự từ trái sang phải
  - + Số cử tri là lẻ và tất cả mọi người đều tham gia biểu quyết.
  - + Nếu số cử tri tham gia  $b/q$  là chẵn  $\Rightarrow p/a$  được lựa chọn không rõ ràng, nằm ở khoảng mà 2 người cử tri đứng giữa ưa thích
  - + Sở thích của các cử tri là sở thích đỉnh đơn

# SỞ THÍCH ĐỈNH ĐƠN VÀ SỞ THÍCH ĐỈNH KÉP

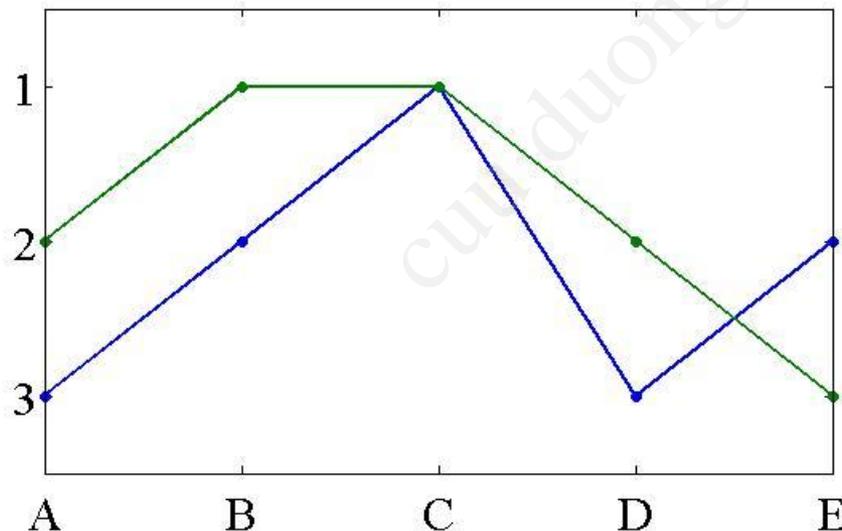
- “Đỉnh” trong sở thích của một cá nhân là một điểm mà tại đó mọi điểm lân cận đều ít được ưa thích hơn
- Sở thích đỉnh đơn: sở thích chỉ có một đỉnh. Di chuyển ra khỏi đỉnh (kết cục được ưa thích nhất) theo mọi hướng đều khiến độ thỏa dụng giảm xuống
- Sở thích đỉnh kép: Sở thích có hơn một đỉnh. Khi di chuyển khỏi kết cục được ưa thích nhất, độ thỏa dụng thoạt tiên giảm xuống, sau đó lại một lần nữa đi lên.

# SỞ THÍCH ĐỈNH ĐƠN

## Single-peaked preferences



## Preferences that are not single-peaked



# SỞ THÍCH ĐỈNH KÉP

## 5.2. Phi hiệu quả của nguyên tắc đa số

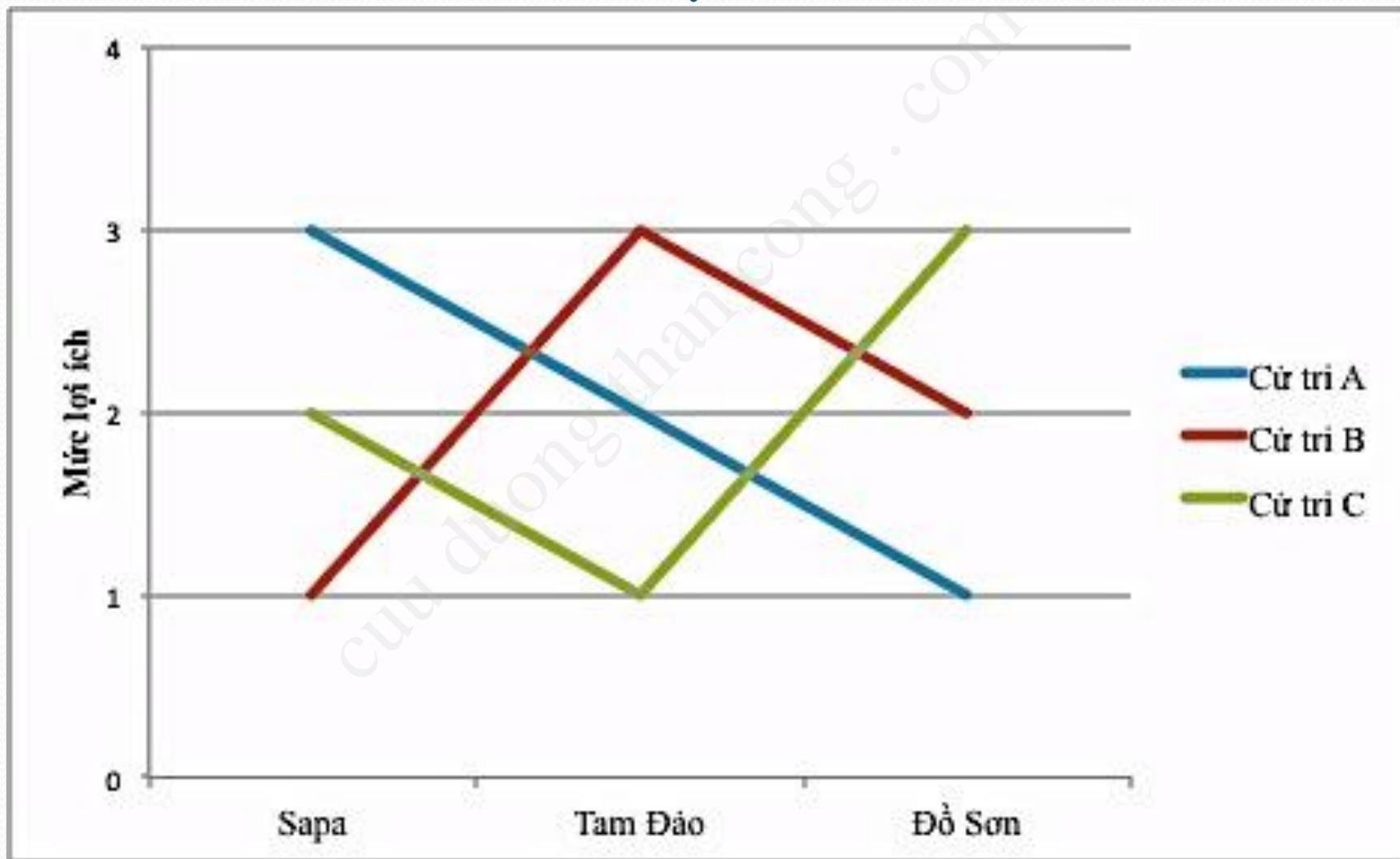
### 5.2.3. Nghịch lý biểu quyết

#### Nghịch lý xoay vòng trong biểu quyết

Giả sử có 3 cử tri cần ra một quyết định chung: lựa chọn địa điểm đi tham quan tập thể. Thứ tự ưu tiên theo sở thích của từng người được thể hiện như trong bảng dưới đây. Trong trường hợp này: địa điểm nào sẽ được lựa chọn theo phương thức biểu quyết đa số?

Thứ tự ưu tiên	Cử tri A	Cử tri B	Cử tri C
1	Sa Pa	Tam Đảo	Đồ Sơn
2	Tam Đảo	Đồ Sơn	Sa Pa
3	Đồ Sơn	Sa Pa	Tam Đảo

# VÍ DỤ



# NGHỊCH LÝ XOAY VÒNG TRONG BIỂU QUYẾT

- Biểu quyết cặp đôi: biểu quyết giữa 2 lựa chọn, sau đó lựa chọn chiến thắng lại biểu quyết tiếp với lựa chọn còn lại
- + Lựa chọn giữa P/a “Sa Pa” & “Tam Đảo”: “Sa Pa” được A và C ủng hộ, tức được  $\frac{2}{3}$  phiếu ủng hộ, do đó là p/a chiến thắng; Lựa chọn tiếp S với Đ => Đ thắng.
- + Lựa chọn giữa “Tam Đảo” & “Đồ Sơn”: “Tam Đảo” chiến thắng; Lựa chọn tiếp T với S => S thắng.
- + Lựa chọn giữa “Đồ Sơn” & “Sa Pa”: “Đồ Sơn” chiến thắng; Lựa chọn tiếp Đ với T => T thắng.

# NGHỊCH LÝ XOAY VÒNG TRONG BIỂU QUYẾT

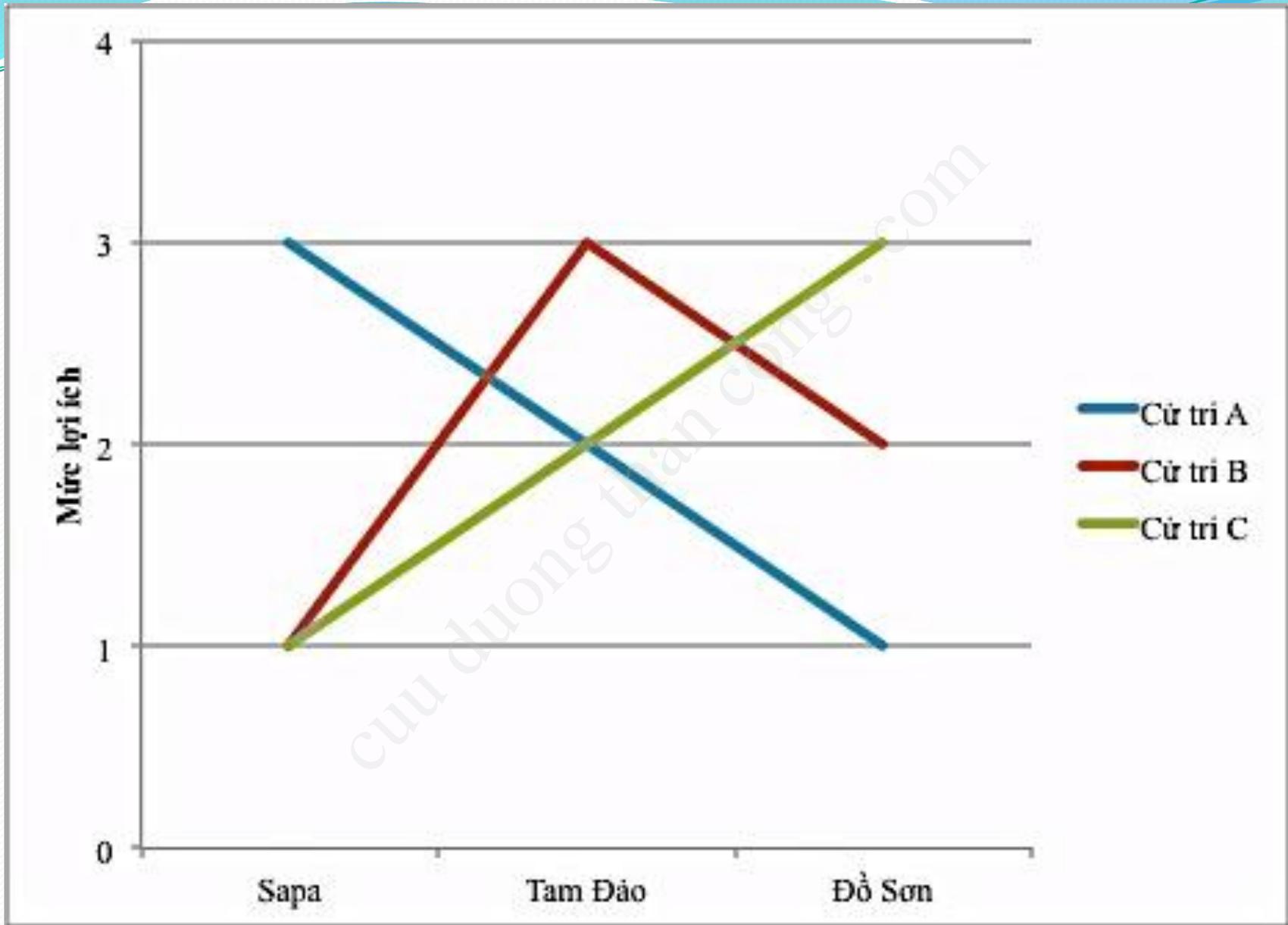
- KL: 1. Không có một kết cục duy nhất được chọn  
2. Kết cục được chọn tùy thuộc vào trình tự biểu quyết  
3. Chi phối được trình tự biểu quyết, có thể chi phối được kết quả biểu quyết.
- Lựa chọn cá nhân là nhất quán nhưng cả cộng đồng thì không nhất quán. Đó là *nghịch lý biểu quyết* hay *biểu quyết xoay vòng*

# SỞ THÍCH ĐỈNH ĐƠN VÀ SỞ THÍCH ĐỈNH KÉP

- Khi tồn tại sở thích đỉnh kép, nghịch lý biểu quyết *có thể* xảy ra.
- + Ở ví dụ đã nêu (phần nghịch lý b/q), giả sử trật tự sắp xếp các p/a từ trái sang phải là Sa pa, Tam Đảo, Đồ Sơn thì A, B là các cử tri có sở thích đỉnh đơn, C có sở thích đỉnh kép
- + Nếu ưu tiên trong sở thích của C là 1.Đồ Sơn; 2.Tam Đảo; 3. Sa Pa=> sở thích của C là đỉnh đơn. Nghịch lý không xảy ra. (Câu hỏi: p/a nào là p/a chiến thắng?)

- Biểu quyết cặp đôi: biểu quyết giữa 2 lựa chọn, sau đó lựa chọn chiến thắng lại biểu quyết tiếp với lựa chọn còn lại
- + Lựa chọn giữa P/a “Sa Pa” & “Tam Đảo”: “Tam Đảo” được B và C ủng hộ, tức được 2/3 phiếu ủng hộ, do đó là p/a chiến thắng; Lựa chọn tiếp T với Đ => **T thắng**.
- + Lựa chọn giữa “Tam Đảo” & “Đồ Sơn”: “Tam Đảo” chiến thắng; Lựa chọn tiếp T với S => **T thắng**.
- + Lựa chọn giữa “Đồ Sơn” & “Sa Pa”: “Đồ Sơn” chiến thắng; Lựa chọn tiếp Đ với T => **T thắng**.

Thứ tự ưu tiên	Cử tri A	Cử tri B	Cử tri C
1	Sa Pa	Tam Đảo	Đồ Sơn
2	Tam Đảo	Đồ Sơn	Tam Đảo
3	Đồ Sơn	Sa Pa	Sa Pa



## 5.2. Phi hiệu quả của nguyên tắc đa số

### 5.3.4. Định lý về sự không thể của Arrow

**Kenneth Joseph Arrow**, sinh ngày 23/4/1921  
(hiện 90 tuổi)

Institution Stanford University, New York City,  
USA

Các giải thưởng:

- John Bates Clark Medal (1957)
- Nobel Prize in Economics (1972)
- von Neumann Theory Prize (1986)
- National Medal of Science (2004)



# ĐỊNH LÝ VỀ TÍNH KHÔNG THỂ CỦA ARROW

- Câu hỏi: Có thể thiết lập được một quy tắc ra quyết định tập thể cho phép luôn luôn lựa chọn được một p/a hợp lý hay không?
- Quy tắc ra quyết định tập thể lý tưởng phải có:
  - + Tính bắc cầu: nếu tập thể thích A hơn B, thích B hơn C thì nó phải thích A hơn C.
  - + Tính phi độc tài: không xác định sở thích tập thể bằng sở thích của một cá nhân
  - + Tính độc lập với các p/a không thích hợp: Việc đưa thêm một p/a mới không được ảnh hưởng đến trật tự xếp hạng ban đầu của tập thể về các p/a cũ

# ĐỊNH LÝ VỀ TÍNH KHÔNG THỂ CỦA ARROW

- + Tiêu chuẩn Pareto: nếu mọi cá nhân đều thích A hơn B, thì trật tự xếp hạng của tập thể cũng phải chứng tỏ A được ưa thích hơn B
- + Phạm vi không hạn chế: phương pháp lựa chọn tập thể cần áp dụng được cho mọi trường hợp, bất kể sở thích của các cá nhân là như thế nào.

# ĐỊNH LÝ VỀ TÍNH KHÔNG THỂ CỦA ARROW

- Kenneth Arrow (giải Nobel 1972) chứng minh rằng: Khi có nhiều hơn 2 phương án để lựa chọn, không có một quy tắc ra quyết định tập thể nào thỏa mãn được tất cả các tính chất trên.
- Hàm ý:
  - + Các cá nhân có lý trí  $\Rightarrow$  ra quyết định nhất quán
  - + Nhà nước không phải là một cá nhân. Quyết định tập thể có thể không nhất quán.

# Arrow's impossibility theorem

- **Arrow's impossibility theorem**, the **General Possibility Theorem**, or **Arrow's paradox**, states that, when voters have three or more distinct alternatives (options), no voting system can convert the **ranked preferences** of individuals into a community-wide (complete and transitive) ranking while also meeting a specific set of criteria.

Nếu có 3 lựa chọn A, B và C, “luật” bầu cử sẽ phải tính xem xã hội xếp hạng A, B, C như thế nào, nghĩa là xã hội thích cái nào hơn giữa A và B, giữa B và C, và giữa C và A. Luật bầu cử sẽ phải thỏa mãn một số tiên đề nhất định:

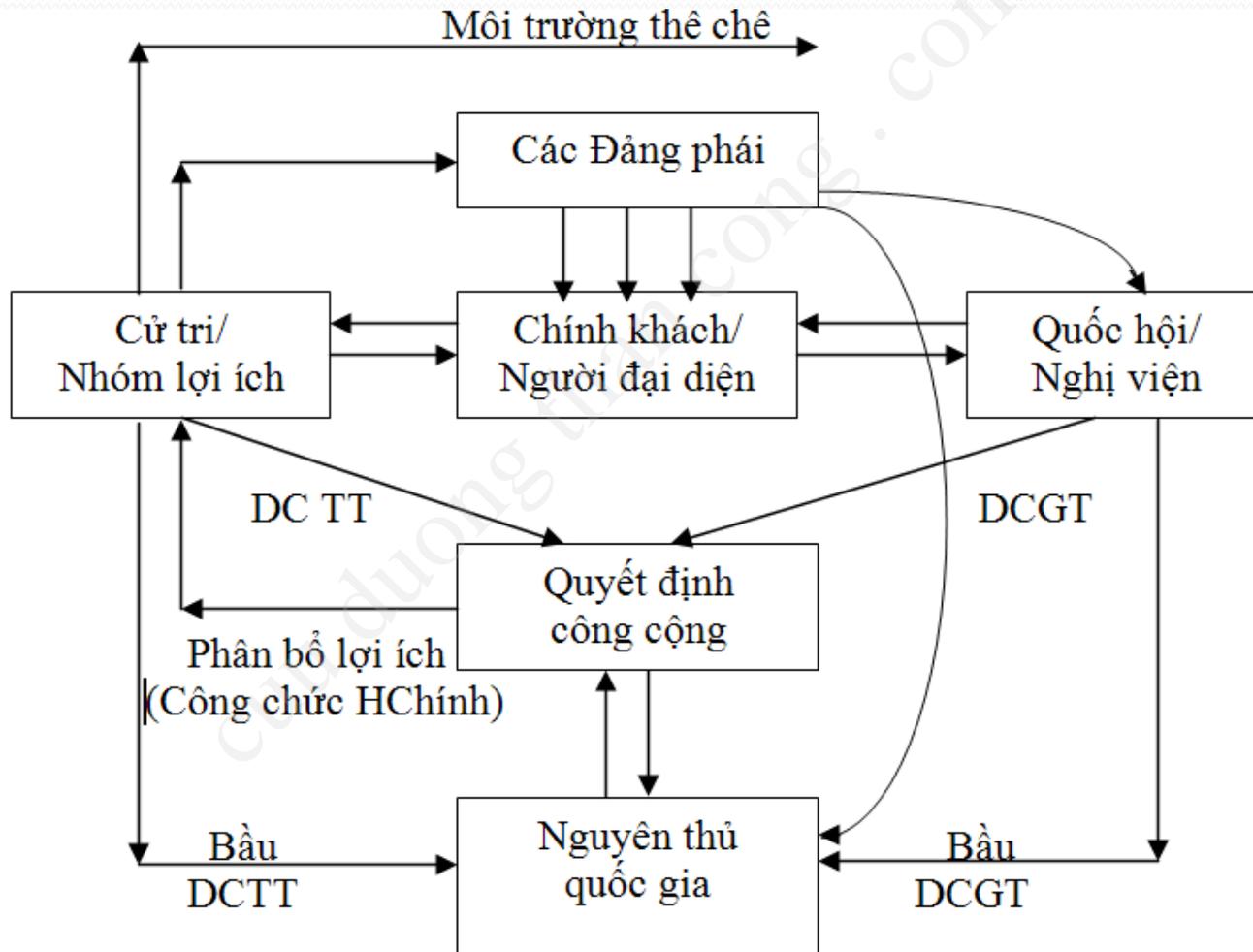
- Tính nhất trí (còn gọi là hiệu suất Pareto): nếu mỗi người đều thích A hơn B thì xã hội cũng phải chọn A hơn B.
- Không độc tài: xếp hạng của xã hội không thể luôn giống hệt như xếp hạng của một người cụ thể nào đó (một ông vua độc tài).
- Sự độc lập của các chọn lựa không liên quan (independence of irrelevant alternatives — IIA): việc xã hội xếp hạng A hơn B, hoặc B hơn A có tính độc lập trong các chọn lựa cá nhân.
- Tính duy lý: xã hội không thể chấp nhận xếp hạng quẩn quanh theo vòng tròn (A hơn B, B hơn C, và C hơn A).

Arrow chứng minh rằng không có hàm nào thỏa cả bốn điều kiện trên, cho dù các cá nhân đều duy lý.

## 5.3. Phi hiệu quả của hệ thống hành chính

### 5.3.1. Hệ thống hành chính và quy trình ngân sách Sơ đồ ra quyết định công

# CHU TRÌNH RA QUYẾT ĐỊNH CÔNG CỘNG



## 5.3.2. Phi hiệu quả trong và bởi cơ quan hành chính

- Đặc điểm của hoạt động hành chính
    1. Khó đo lường đánh giá kết quả
    2. Tính đa dạng về mục tiêu của các chương trình công cộng
    3. Quan hệ đầu vào và đầu ra không rõ ràng
    4. Thông tin bất cân xứng
    5. Ngân sách thiếu hoàn hảo
    6. Thiếu vắng cạnh tranh
- => Nguồn gốc của từ quan liêu (bureaucracy) = bureau (cái bàn)

## 5.3.2. Phi hiệu quả trong và bởi cơ quan hành chính

Những hạn chế của hoạt động hành chính

- Xu hướng gia tăng quy mô bộ máy
- Xu hướng lãng tránh mạo hiểm và duy trì những thủ tục hành chính quan liêu
- Cải cách hành chính - luôn gặp khó khăn; giải pháp:
  - Hướng chính: cải thiện chế độ khuyến khích và tăng cường tính cạnh tranh trong hoạt động của khu vực công.
  - Tách cq Nhà nước thành 4 loại: bộ chủ quản; cq công vụ, cq giám sát, cq dịch vụ công (Nga)
  - Phân định rõ ràng chức năng trách nhiệm, loại bỏ vị thế đặc quyền, đặc lợi để không chế quy mô bộ máy hc tăng lên (TQ)
  - Lượng hóa công việc hc đối với nhân viên, chuẩn hóa chương trình nhiệm kỳ công tác đối với lãnh đạo hành chính

## 5.4. Tìm kiếm đặc lợi (rent-seeking)

### 5.4.1. Nhận diện và điều kiện của đặc lợi

Tìm kiếm đặc lợi/tô kinh tế: mượn chữ dịch từ Tư bản luận của Karl Marx. (địa tô)

Tìm kiếm đặc lợi là một nỗ lực để có được đặc lợi kinh tế, (tức là phần thu nhập trả cho một yếu tố sản xuất vượt quá mức độ cần thiết hiện tại của yếu tố đó), bằng cách thay đổi môi trường xã hội hoặc chính trị trong đó hoạt động kinh tế xảy ra, chứ không phải bằng cách tạo ra giá trị/của cải mới. Tìm kiếm tiền thuê ngụ ý khai thác các giá trị từ những người khác (mà không có sự đền bù, không thực hiện bất kỳ đóng góp nào cho năng suất).

Một số đối thủ cạnh tranh trực lợi bất hợp pháp - như hối lộ, tham nhũng, buôn lậu, và giao dịch thị trường đen

## 5.4. Tìm kiếm đặc lợi (rent-seeking)

### 5.4.1. Nhận diện và điều kiện của đặc lợi

VD kinh điển:

Một chủ đất phong kiến cho người người đặt một các sọt xích chắn ngang một dòng sông chảy qua đất của mình và sau đó thuê một người canh giữ và thu phí tàu thuyền đi qua (hoặc thuê phân của sông trong một vài phút).

Việc lắp đặt các sọt xích hay thu phí không có hiệu quả gì đối với lợi ích xã hội. Chủ đất đã không có bất kỳ cải tiến gì đối với dòng sông hay giúp cho bất kỳ ai có lợi hơn (trực tiếp hay gián tiếp) ngoại trừ chính mình.

Tất cả các anh đang làm là tìm ra một cách để kiếm tiền từ một thứ đáng nhẽ là miễn phí.

## 5.4.2. Phi hiệu quả do đặc lợi

### 5.4.2. Phi hiệu quả do đặc lợi

Tìm kiếm đặc lợi **làm giảm hiệu quả kinh tế** do:

- Phân bổ tài nguyên kém hiệu quả
- Giảm tạo ra của cải
- Mất nguồn thu của chính phủ
- Bất bình đẳng thu nhập

# 5.5. Nhóm lợi ích

## 5.5.1. Nhóm lợi ích trong xã hội dân chủ

- Các nhóm lợi ích là hiệp hội của các cá nhân có những mục tiêu chung và những người làm việc cùng nhau để đạt được mục tiêu của mình bằng cách cố gắng gây ảnh hưởng đến chính sách của chính phủ.
- Nhóm lợi ích vs. đảng phái chính trị: Sự khác biệt cơ bản giữa các nhóm lợi ích và các đảng chính trị là các nhóm lợi ích chỉ đơn thuần là tìm kiếm lợi ích riêng của nhóm trong tiến trình chính trị, trong khi đó, đảng phái chính trị tìm cách kiểm soát quá trình chính trị.

## 5.5. Nhóm lợi ích

### 5.5.1. Nhóm lợi ích trong xã hội dân chủ

Các nhóm lợi ích được tìm thấy tại tất cả các quốc gia, tuy nhiên , hoạt động đa dạng và có xu hướng hạn chế hơn trong các xã hội phi dân chủ Hệ thống phi dân chủ thường không chịu sự phản đối dưới mọi hình thức và nhiệm vụ của các nhóm có thể sẽ được quyết định bởi chính phủ.

Trong xã hội dân chủ , các nhóm như vậy là cơ chế chính để đại diện cho công luận và/hoặc khớp nối nhu cầu của một nhóm cụ thể. Các nhóm lợi ích thường trình bày các quan điểm của công dân mà họ đại diện cho chính phủ một cách hiệu quả.

# 5.5. Nhóm lợi ích

## 5.5.1. Nhóm lợi ích trong xã hội dân chủ

Phân loại nhóm lợi ích dựa trên đặc điểm và khả năng ảnh hưởng

- Tự phát vs. tự giác: Hoạt động phát triển của nhóm lợi ích ở mức tự giác có vai trò bảo vệ và vận động cho quyền lợi của nhóm => nhóm quyền lợi.
- Nhóm quyền lợi có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến quy trình xây dựng chính sách được gọi là nhóm áp lực.
- Những nhóm vừa có khả năng gây áp lực vừa có khả năng can thiệp trực tiếp vào việc quyết định chính sách còn được gọi là nhóm đặc quyền.
- Người ta còn gọi tên các nhóm lợi ích theo mục tiêu chính của nhóm, ví dụ: nhóm lợi ích công, nhóm lợi ích tư, nhóm lý tưởng...
- Theo mục đích phân tích: đặc trưng phân loại theo điều kiện tự nhiên, ranh giới địa lý hành chính, hoặc các yếu tố khác về đặc điểm nhân thân như giới tính, tuổi tác, nghề nghiệp, dân tộc...

# 5.5. Nhóm lợi ích

## 5.5.2. Nhóm lợi ích và hiệu quả phân bổ nguồn lực

- Để xã hội phát triển bền vững ở mức độ tối ưu cần khuyến khích mỗi cá nhân đóng góp tối đa khả năng của họ cho xã hội bằng cách phân bổ lợi ích thỏa đáng với công lao đóng góp của họ.
- Với sự vận động của nhóm và các ảnh hưởng chính trị, xã hội, chính sách phân bổ có thể bị điều chỉnh làm thay đổi mức lợi ích của các nhóm liên quan => Phân phối thành quả lao động không công bằng
- Một số người nào đó được nhiều hơn so với công lao đóng góp cho xã hội; đây là nhóm được lợi. Phần lợi ích vượt trội đó có thể xem như là phần thiệt hại của một số người khác hoặc là thiệt hại chung của tất cả những người còn lại trong xã hội

# 5.5. Nhóm lợi ích

## 5.5.2. Nhóm lợi ích và hiệu quả phân bổ nguồn lực

Hệ quả của phân bổ nguồn lực/thu nhập không công bằng

- Giảm sự sáng tạo và nhiệt tình đóng góp của nhóm chịu thiệt, chưa kể đến nguy cơ xung đột, nội chiến trong một số trường hợp nhất định
- Giảm hiệu quả xã hội đối với nhóm được lợi.